

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH SƠN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2021/HNGĐ – ST**

Ngày 11/8/2021

Về việc: ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Toại;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Tấn Ba và ông Nguyễn Văn Thạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2021/TLST – HNGĐ, ngày 04/5/2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST – HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Phỉ H, sinh năm 1975, có mặt tại phiên tòa;

Nơi cư trú: thôn A, xã N, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1972, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 25/5/2021;

Nơi cư trú: thôn M, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Anh Nguyễn Phỉ H trình bày và yêu cầu như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Phỉ H và Chị Huỳnh Thị L có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/11/1996.

Sau khi kết hôn, anh và chị L sống tại xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sống được khoảng 5 năm thì nhận thấy không hợp nhau trong quan điểm sống nên vợ chồng tự ly thân, phần ai

nấy sống, ở riêng và không quan tâm đến nhau đến nay đã hơn 13 năm. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Chị Huỳnh Thị L.

*Về con chung:* vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1997, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Phỉ H xác định không có tài sản chung.

*Về nghĩa vụ tài sản:* Anh Nguyễn Phỉ H xác định không có nghĩa vụ chung về tài sản.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và không yêu cầu gì thêm. Anh H không đồng ý đề nghị đoàn tụ của chị L, vì tình cảm vợ chồng không còn.

*Ý kiến đề nghị lập luận của bị đơn Chị Huỳnh Thị L tại Bản tự khai, như sau:*

Chị Huỳnh Thị L công nhận việc tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản như anh H trình bày trên là đúng.

Về mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2008 đến nay (hơn 13 năm) vợ chồng tự ly thân, không còn sống chung; anh H về sống tại huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, chị L sống tại xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nay anh H yêu cầu ly hôn, chị L không đồng ý, vì vợ chồng đã lớn tuổi, phần ai này sống chứ không ly hôn.

*Về con chung:* vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1997 đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Phỉ H xác định không có tài sản chung.

*Về nghĩa vụ tài sản:* Anh Nguyễn Phỉ H xác định không có nghĩa vụ chung về tài sản.

Ngoài ra, chị Loan không yêu cầu giải quyết gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Chị Huỳnh Thị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Phi H và Chị Huỳnh Thị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa anh H và chị L kéo dài đến nay đã hơn 13 năm, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn sống chung hơn 13 năm và không có khả năng đoàn tụ sống chung. Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ và có nghĩa vụ chung sống với nhau...*”. Tuy nhiên, anh, chị không sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau; điều này thể hiện tình cảm vợ chồng không còn.

Xét tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Phi H yêu cầu ly hôn Chị Huỳnh Thị L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét ý kiến đề nghị đoàn tụ của Chị Huỳnh Thị L là trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Anh Nguyễn Phi H và Chị Huỳnh Thị L có 01 con chung là Nguyễn Thị Hoàng M, sinh năm 1997, đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh H, chị L đều xác định không có, không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Anh H, chị L đều xác định không có nghĩa vụ tài sản chung, không xem xét giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Anh Nguyễn Phi H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Phi H được ly hôn với Chị Huỳnh Thị L.

2. *Về con chung*: Đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Phi H và Chị Huỳnh Thị L xác định không có, không xem xét giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Anh Nguyễn Phi H và Chị Huỳnh Thị L xác định không có, không xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Anh Nguyễn Phi H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ xong tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2018/0003715, ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

6. *Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

7. Anh Nguyễn Phi H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/8/2021).

Chị Huỳnh Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Quang Toại**

